**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-PT
Ngày 11 - 01- 2024
V/v *Tranh chấp về biêu, hụi; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết
Bà Nguyễn Thị Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2023/TLPT-DS ngày 30/11/2023 về việc "*Tranh chấp về biêu, hụi; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 470/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐPT-DS ngày 02/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Đinh Thị Thu T; địa chỉ: 85 ĐTC, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H.

2. Ông Trần Đình V

Cùng địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B;

*Đại diện theo pháp luật*: Ông Hà Văn K - Giám đốc;

*Đại diện theo ủy quyền*: Ông Lê Văn T1; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn D; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt);

3. Ngân hàng P - Chi nhánh Đ -Đắk Lắk;

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Văn C - Giám đốc chi nhánh;

*Đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Anh T3 - Giám đốc phòng giao dịch huyện B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số 80 N, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Thu V; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Bà Trần Thị T3; địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2021, bản tự khai ngày 03/6/2021 và bản tự khai ngày 04/6/2021, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:***

Năm 2017, bà Huỳnh Thị N có chơi biêu chỗ bà Nguyễn Thị H nhưng sau đó bà H không có tiền chồng biêu nên đến ngày 29/9/2017 đã chốt nợ biêu với bà N số tiền gốc là 202.000.000 đồng. Do bà H không trả tiền biêu nên năm 2018, bà N có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà số tiền 202.000.000 đồng nhưng sau đó bà H cùng mẹ (bà Nguyễn Thị Y) đến gặp bà N để thỏa thuận. Do bà H cũng nợ bà Nguyễn Thị Thu V một khoản tiền, vì vậy bà N và bà V đã cho bà Y và bà H viết giấy nhận nợ vào ngày 18/6/2019 với nội dung "tôi có cho con tôi Nguyễn Thị H 6m đất ở tại Buôn K trả nợ cho hai cô V và N trị giá 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*). Tôi đồng ý cho con tôi 6m đất trả nợ cho hai cô V và cô N, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật" (bà Y viết). "Dài 50 mét đất nông nghiệp từ nay đến tháng 10/2019 bán được sẽ trả số tiền cô V và cô N" (cô H viết), tại dòng chữ ghi tên và ký tên Nguyễn Thị Y là do bà Y tự ghi và ký tên. Như vậy, bà Y cam kết trả nợ thay cho bà H với số tiền 180.000.000 đồng (trong đó có 90.000.000 đồng trả nợ cho bà N và 90.000.000 đồng nợ biêu bà Nguyễn Thị Thu V), bằng cách bà Y sẽ cho bà H 6m đất tại buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk để gán nợ cho bà N và bà V (trị giá lô đất khi đó là 180.000.000 đồng).

Số tiền còn lại là 112.000.000 đồng, bà H cam kết trả cho bà N và bà V mỗi người 70.000.000 đồng, mỗi năm bà H có trách nhiệm trả cho bà N 20.000.000 đồng, số còn lại là 42.000.000 đồng thì bà H đề nghị bớt cho bà thì bà N đã đồng ý vì bà nghĩ không còn khả năng lấy lại tiền nên chỉ cần trả cho bà thì mất một ít bà cũng đành chịu (bà H có viết giấy tay và ký tên trong giấy).

Bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình V có trách nhiệm trả cho bà N 97.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/5/2021 là 12.699.000 đồng. Yêu cầu bà Y tiếp tục trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Ngày 29/6/2021, ngày 25/7/2021 và ngày 26/7/2021, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có đơn sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện với nội dung:

Tháng 6/2018, bà N nộp đơn khởi kiện bà H tại Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, sau khi Tòa án thụ lý thì bà H và bà Y hứa sẽ cắt đất tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk để trả nợ nên bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 15/6/2018. Sau đó bà H chỉ trả thêm cho bà N 15.000.000 đồng rồi cùng với ông Trần Đình V (chồng bà H) đem toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31 tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận số W 798646 ngày 19/10/2004 tặng cho bà Nguyễn Thị Y để tẩu tán, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Hợp đồng được UBND xã C chứng thực ngày 15/6/2018 nhưng thực tế ông V và bà H vẫn quản lý, sử dụng thửa đất trên, đến tháng 5/2021 thì bà N mới biết và khởi kiện lại vụ án.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình V có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 187.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/6/2018 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ việc (tạm tính đến ngày khởi kiện là 72.948.700 đồng).

Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 15/6/2018 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31, diện tích 4.298,7m$^2$ tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giữa ông Trần Đình V, bà Nguyễn Thị H tặng cho bà Nguyễn Thị Y vô hiệu do giả tạo theo khoản 2 Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn là bà Đinh Thị Thu T trình bày:***

Số tiền 202.000.000 đồng mà bà H chốt nợ ngày 29/9/2017 là toàn bộ tiền gốc mà bà N đã đóng biêu cho bà H. Bà Y giới thiệu nên bà N chơi chung dây

biêu do bà H làm chủ biêu, bà N không biết và cũng không gặp mặt những người cùng chơi biêu, cũng không biết tham gia bao nhiêu dây biêu. Do đã lâu và không có sổ sách theo dõi nên bà N không nhớ số tiền cụ thể từng lần đóng biêu mà chỉ có 02 giấy chốt nợ biêu. Bà H đã trả cho bà N 5.000.000 đồng vào ngày 14/5/2020 và 5.000.000 đồng vào ngày 01/01/2021. Hiện nay bà H vẫn nợ lại 187.000.000 đồng tiền gốc.

Hai lần đầu bà N không khởi kiện ông V nên không có ông V tham gia. Căn cứ để bà N yêu cầu bà Y, ông V, bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ là tại Biên bản hòa giải lập ngày 17/3/2021 tại Tòa án (hồ sơ dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 26/01/2021 về việc "Tranh chấp biêu, hụi"), bà H trình bày bà không trả tiền cho bà N là do đã dùng hết tiền mà bà N đóng để chăm lo cuộc sống gia đình, lo tiền ăn uống, học hành cho con cái. Đồng thời ông V, bà H và bà Y đã cấu kết đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà Y nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án sau này, nên bà N yêu cầu cả ba phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu, buộc ông V, bà Y, bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ 187.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 15/6/2018 đến ngày 15/5/2023 là 91.574.000 đồng, yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến ngày Tòa án xét xử xong. Ngoài ra bà N yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 38, tờ bản đồ số 31 vô hiệu còn các tài sản gắn liền với đất vẫn là tài sản của bà H, ông V nên bà N không có yêu cầu gì.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021 và ngày 22/9/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà có làm chủ nhiều dây biêu và bà N có tham gia nhiều dây (không nhớ bao nhiêu dây, bao nhiêu người chơi và không còn sổ sách theo dõi do đã chốt sổ). Đến ngày 29/9/2017, bà có viết giấy chốt biêu còn nợ bà Huỳnh Thị N tổng số tiền biêu là 202.000.000 đồng (không có lãi), không hẹn thời hạn trả. Do có khó khăn về kinh tế nên bà không trả được, vào đầu năm 2019, bà bị bà N đòi tiền huê thì bà có nói với mẹ là bà có nợ tiền bà V và bà N, mẹ bà nói để mẹ cho bà 6m đất của mẹ (không phải thửa 104, tờ bản đồ số 11 mà là thửa đất khác của mẹ bà tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) để bán trả nợ cho bà V và bà N nên bà cũng có hứa như vậy với bà N. Đến ngày 18/6/2019, bà N đến nhà mẹ bà (tại tổ dân phố Y, thị trấn K) yêu cầu buộc hai bà phải viết giấy hứa hẹn bán đất để trả số tiền 180.000.000 đồng cho bà V và bà N, nội dung trong giấy bà N đọc cho bà viết, đoạn sau bà N đọc cho mẹ bà viết. Mẹ hứa cho bà 6m x 50m đất nông nghiệp (bà không rõ thuộc thửa nào) tại buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk

Lắk. Nếu cắt đất trả thì số tiền lãi (được cộng vào gốc thành tổng 202.000.000 đồng) là 42.000.000 đồng thì bà sẽ cho. Số còn lại là 70.000.000 đồng thì bà N ép bà viết giấy hứa trả 20.000.000 đồng/năm cho đến khi trả hết nợ.

Do bán đất không được, mẹ bà cần tiền nên đã thế chấp Ngân hàng P, chi nhánh huyện B để vay tiền, đến nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đang được thế chấp trong Ngân hàng. Sau đó cuối năm 2019 thì bà trả được 15.000.000 đồng, thiếu 5.000.000 đồng bà có hẹn sang 2020 trả nhưng chưa kịp trả thì bà N làm đơn khởi kiện bà lên Tòa án.

Về yêu cầu của bà N yêu cầu mẹ bà (Nguyễn Thị Y) có trách nhiệm trả nợ thì bà có ý kiến như sau: Do mẹ bà có hứa cho bà đất nhưng sau mẹ cần tiền vay Ngân hàng nên không cho bà nữa, việc hứa cho đất chỉ mới hứa chứ chưa làm thủ tục tặng cho, mẹ bà cũng không nhận trả nợ thay cho bà nên việc bà N yêu cầu mẹ bà phải liên đới trả nợ là không đúng, bà không đồng ý. Mặt khác, mẹ bà có nhiều lô đất ở Cư Pui, mẹ hứa bán để cho bà tiền trả nợ nhưng không nói bán lô nào, việc bà N nói bán thửa đất bà đang ở là không có cơ sở. Đây là nợ của bà thì bà có trách nhiệm trả.

Đối với yêu cầu buộc chồng bà là ông Trần Đình V phải liên đới trả nợ thì bà có ý kiến như sau: Việc bà chơi huê, hụi thì ông V không biết; việc bà lấy tiền huê, hụi cho người khác vay ông V cũng không biết, ông V không ký giấy nhận nợ. Đến sau ngày 18/6/2019 (sau ngày bà và mẹ viết giấy hứa bán đất) thì bà N đến nhà bà đòi tiền ông V mới biết. Tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án từ tháng 01/2021 đến tháng 4 năm 2021 (bà N đã rút đơn không rõ vì lý do gì nên Tòa án đã đình chỉ) thì bà N chỉ khởi kiện yêu cầu bà phải trả nợ, không hề có đơn yêu cầu ông V phải trả nợ vì bà N biết rõ ông V không có liên quan. Nay bà N yêu cầu ông V phải liên đới trả nợ là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 11 vô hiệu thì bà có ý kiến như sau: Vào năm 2018, bà N khởi kiện bà ra Tòa thì bà, chồng bà (Trần Đình V) và mẹ bà (Nguyễn Thị Y) hoàn toàn không biết và cũng không nhận được bất kỳ giấy tờ hay giấy triệu tập nào của Tòa án nên không có căn cứ để cho rằng chồng bà biết bà N khởi kiện mà đề nghị bà rút đơn để tẩu tán tài sản. Mặt khác, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31 được vợ chồng bà liên tục thế chấp cho hai Ngân hàng để vay vốn. Do mẹ bà cho vợ chồng bà mượn số tiền 300.000.000 đồng để trả vào Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, đồng thời cho vợ chồng bà mượn thêm 300.000.000 đồng để trả nợ (trả bà Võ Thị H1 (ở BP nhưng không rõ địa chỉ) 150.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị L (tổ dân phố E, thị trấn K) 60.000.000 đồng; còn 90.000.000 đồng trả cho những người chơi huê bà còn nợ (không nhớ trả cho ai,

trả bao nhiêu tiền) mà bà không có tiền trả nên mới tặng cho thửa đất cho mẹ bà để cấn trừ nợ. Ông V không hề biết bà có nợ tiền bà N, bản thân bà và mẹ bà cũng không biết bà N đang khởi kiện tại Tòa. Mặt khác, vào năm 2016, bà có lấy tiền huê, hụi cho bà Nguyễn Thị T5 (Buôn B, xã C), bà Trần Thị N3 (Buôn A, xã C), bà Trần Thị T6 (Thôn Đ, xã C) vay và hiện bà đang chuẩn bị khởi kiện 03 người này ra Tòa án yêu cầu trả nợ, do đó tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất thì bà còn tài sản hiện đang cho người khác vay và khoản nợ này đủ để trả cho bà N. Hiện nay, thửa đất số 38 tờ bản đồ số 31 đang được thế chấp tại Ngân hàng B (phòng giao dịch huyện B), bà không đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà và bà Y vô hiệu.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:***

Bà không biết việc chơi biêu, hụi, việc nợ nần giữa bà N và con bà là Nguyễn Thị H. Đến tháng 6/2019, bà nghe con bà nói có nợ tiền biêu của bà N và không có khả năng trả nợ do người chơi xù nợ biêu và bà N đang kiện ra tòa. Để bà N rút đơn về tự thỏa thuận với nhau nên con gái bà có viết dùm bà giấy hứa cho lô đất để con bà bán trả nợ cho bà N. Việc nợ nần giữa bà H và bà N thì bà không biết và không liên quan, bà hứa cho con bà đất để trả nợ nhưng bà không có khả năng nên không cho nữa, bà cũng chưa viết giấy tặng cho nên bà N yêu cầu bà phải trả nợ thay con gái là không có căn cứ, bà không đồng ý.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:***

Bà là bạn bè thân thiết với bà Y và bà N nên bà cũng thân thiết với bà H. Tại thời điểm bà H bắt đầu làm chủ biêu, bà Y có nói bà H dạo này làm ăn được nên bà mừng, bà Y rủ bà "chơi biêu đi, có bà Y mà lo gì". Bà H bắt đầu làm chủ biêu và bà tham gia chơi biêu từ khoảng năm 2015 đến năm 2017, bà chơi nhiều dây nhưng không gặp trực tiếp các thành viên tham gia dây biêu, bà không biết họ tên, địa chỉ những người cùng tham gia chơi biêu. Biêu gồm bao nhiêu dây, bao nhiêu người chơi, thời gian chơi và thời gian kết thúc bà đều không nhớ vì thời gian đã lâu. Trước đây bà có sổ theo dõi riêng nhưng do đã chốt sổ biêu nên bà đã làm thất lạc, không cung cấp được cho Tòa án. Sau khi hốt biêu cuối khoảng 2 tháng sau không thấy bà H chung tiền nên bà và bà N có đến gặp bà H và viết giấy thỏa thuận ngày 29/9/2017 âm lịch với nội dung bà H nợ bà 211 triệu đồng và nợ bà N 202 triệu đồng, khi viết giấy có nói miệng hẹn 1- 2 tháng sau sẽ trả nhưng bà H không thực hiện. Đến khoảng tháng 4 – tháng 5/2019, Tòa án có gọi bà và bà N lên hòa giải (không lập biên bản) thì bà H có nói bà Y cho đất trị giá khoảng 180.000.000 đồng để trả cho bà 90.000.000 đồng và trả cho bà

N 90.000.000 đồng. Số còn lại thì bà V và bà N, mỗi người cho 40.000.000 đồng và số còn lại bà H có trách nhiệm trả cho hai bà mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, với điều kiện bà Y cho đất thì mới thực hiện thỏa thuận trên.

Sau khi ở Tòa án về, bà cùng bà N, bà Y và bà H đã cùng viết giấy nhận nợ ngày 18/6/2019, bà Y hứa cho bà H lô đất sát đất bà H đang ở (lúc đó bà được biết cả lô đất bà H đang sử dụng và lô đất bà Y hứa cho đều là của bà Y và đều đang thế chấp trong Ngân hàng), tuy nhiên sau này bà Y không thực hiện thỏa thuận trên nên thỏa thuận đó đã không còn hiệu lực. Bà H có nợ bà 211 triệu đồng và đã trả cho bà và bà N mỗi người 10 triệu đồng vào ngày 01/01/2021 và trả mỗi người 5 triệu đồng vào ngày 14/5/2021, con dâu bà là Bùi Thị Hạnh N1 là người nhận tiền. Sau đó bà H có trả thêm cho bà 5 triệu đồng. Trong 211 triệu đồng thì có cả gốc lẫn lãi nhưng bà không nhớ bao nhiêu gốc, bao nhiêu lãi (khoảng 30.000.000 đồng tiền lãi). Nay bà H còn nợ bà 191 triệu đồng nhưng bà không tranh chấp cũng không có ý kiến, yêu cầu gì.

***Đại diện Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trình bày:***

Việc giải quyết hồ sơ đăng ký biến động do tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị H tặng cho bà Nguyễn Thị Y được UBND huyện B chứng thực ngày 15/6/2018 là đúng quy định của pháp luật. Thời điểm nộp hồ sơ đăng ký biến động, chi nhánh không nhận được đơn khiếu nại, tranh chấp hay văn bản đề nghị tạm dừng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến thửa đất và hợp đồng chuyển nhượng, đủ điều kiện thực hiện chuyển quyền theo quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, đề nghị Tòa án Tòa án xem xét, giải quyết.

***Đại diện Ngân hàng P - chi nhánh Đ Đắk Lắk trình bày:***

Ngày 06/4/2022, bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn D có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2022/10200250/HĐTD với Ngân hàng để vay số tiền 250.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 646327 cho bà Nguyễn Thị Y (ông D và bà N1 đã được bà Nguyễn Thị Y ủy quyền). Tính đến ngày 27/7/2022, còn lại dư nợ gốc là 250.000.000 đồng và dư nợ lãi là 863.014 đồng.

Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 27/6/2023, đại diện Ngân hàng có ý kiến như sau: Đến nay giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Y không còn bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến tài sản tranh chấp (thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31). Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2023, bà Nguyễn Thị N1 trình bày:***

Bà có được bà Nguyễn Thị Y ủy quyền vay 250.000.000 đồng tại Ngân hàng Bvà được bà Y ủy quyền thế chấp thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31 tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Đến tháng 3, tháng 4 năm 2023, bà Y đã trả toàn bộ số nợ trên và đã được xóa thế chấp, vợ chồng bà không còn liên quan đến Ngân hàng B cũng như không liên quan đến thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31 nữa. Do đó, đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng bà vào tham gia tố tụng và giải quyết vắng mặt ông bà.

Ông Nguyễn D đồng ý với ý kiến của vợ là bà Nguyễn Thị N1.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2021, người làm chứng bà Trần Thị N2 trình bày:***

Từ năm 2016 - 2018, bà có chơi nhiều dây biêu do bà H làm chủ biêu, mỗi dây khoảng 15 - 20 người chơi. Có dây đóng 1.000.000 đồng/10 ngày, có chân 2.000.000 đồng/tuần, ai bỏ lãi cao nhất thì được hốt. Tiền lãi của một chân hốt từ 250.000 đồng – 300.000 đồng, được trả cho các chân biêu còn sống. Bà có nghe bà H nói có cô V và cô Y ở thị trấn cùng chơi nhưng do hai cô ở xa nên mỗi khi tập trung hốt biêu đều vắng mặt hai bà. Hai bà hốt cuối nên số tiền lãi hai bà được hưởng cao hơn so với người khác. Các bên thỏa thuận mỗi lần hốt biêu 1.000.000 đồng/chân thì cái được 100.000 đồng, biêu 2.000.000 đồng/chân thì cái được 150.000 đồng. Bà H lập sổ, giữ sổ theo dõi biêu nhưng không ai ký nhận trong sổ biêu. Bà được biết có một số người sau khi hốt biêu thì không thực hiện nghĩa vụ đóng biêu mà bỏ đi khỏi địa phương. Bà đã được bà H trả tiền biêu đầy đủ và đang còn nợ bà H 68.400.000 đồng nhưng bà chưa có tiền trả, bà H đã khởi kiện ra Tòa và bà xin trả dần.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2021, người làm chứng bà Trần Thị T6 trình bày:***

Từ năm 2016 -2018, bà có chơi nhiều dây biêu do bà H làm chủ biêu. Trong các dây biêu bà tham gia đều có bà N tham gia vì nghe bà H nói chứ các con biêu không gặp nhau. Việc bà N tham gia dây biêu nào, gồm những ai bà không biết, việc bà H có nợ biêu bà N hay không bà không biết.

Tại các biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (kèm kết quả đo đạc) thể hiện: thửa đất số 38 tờ bản đồ số 31 thuộc Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có diện tích theo đo đạc thực tế là 4527,1m$^2$. Trên đất có 01 nhà ở; cổng; hàng rào lưới B40, mái che, bồn nước và chân, hiện do bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình V đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra còn có 01 chuồng heo (không rõ người xây) đang cho bà Trần Thị T3 thuê và 01 chuồng heo do bà Trần Thị T3 thuê đất xây dựng lên đang sử dụng để nuôi heo.

Tại Chứng thư thẩm định giá số 08-02/VP.CT.ĐS.23 ngày 14/3/2023 định giá như sau: Quyền sử dụng đất (100m$^2$ đất ở và 4.198,7m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác) có giá trị là 1.342.010.000 đồng; công trình xây dựng (nhà ở, cổng, mái che) có trị giá là 51.730.305 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Trần Đình V nhưng ông V không có mặt theo triệu tập của Tòa án mà gửi Bản tự khai ngày 02/7/2021 qua đường bưu điện, với nội dung: Vì điều kiện khó khăn, ông phải đi làm ăn xa nên không dự được phiên tòa, ông xin vắng mặt trong thời gian Tòa án giải quyết. Ông không biết gì về việc biêu, hụi của vợ ông là Nguyễn Thị H và ông cũng không có trách nhiệm trả nợ biêu hụi cũng như nợ của vợ ông.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần cho bà Trần Thị T3 nhưng bà T3 không có mặt theo triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến gì.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N 187.000.000 đồng tiền nợ biêu và tiền lãi chậm góp biêu tính đến ngày xét xử, ngày 03/8/2023 là 96.045.000 đồng (đã làm tròn).

Ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị Y không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ trên.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập

ngày15/6/2018 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31, diện tích 4.298,7m $^2$ tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giữa ông Trần Đình V, bà Nguyễn Thị H tặng cho bà Huỳnh Thị N là vô hiệu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2023, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N kháng cáo một phần nội dung của Bản án số: 10/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Bà đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị N Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Bà Huỳnh Thị N có tham gia chơi nhiều dây biêu do bà Nguyễn Thị H làm chủ biêu. Đến ngày 29/9/2017, bà H có viết giấy chốt biêu còn nợ bà Huỳnh Thị N tổng số tiền biêu là

202.000.000 đồng, sau đó bà H đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 187.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc còn lại là 187.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm 96.045.000 đồng (làm tròn) là có căn cứ. Tuy nhiên, bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Trần Đình V, bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền trên cho bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đình V cho rằng không biết và không liên quan đến khoản tiền nợ tiền huê, hụi mà bà H nợ bà N. Ngày 29/9/2017 bà H có viết giấy chốt nợ biêu xác nhận nợ bà N 202.000.000 đồng, việc xác nhận nợ không có chữ ký, chữ viết của ông V, bà H cũng khẳng định đây là nợ riêng không liên quan đến ông V, bà N không chứng minh được đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông V và bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H là có cơ sở.

Đối với yêu cầu bà Y phải liên đới trả nợ thấy rằng: Tại giấy nhận nợ ngày 18/6/2019 bà Y có xác nhận nội dung *"Tôi có cho con tôi Nguyễn Thị H 6m đất ở tại Buôn K trả nợ cho hai cô V và N trị giá 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Tôi đồng ý cho con tôi 6m đất trả nợ cho hai cô V và cô N, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật" (bà Y viết). "Dài 50 mét đất nông nghiệp từ nay đến tháng 10/2019 bán được sẽ trả số tiền cô V và cô N" (cô H viết).* Như vậy, bà Y thừa nhận có viết giấy xác nhận hứa tặng cho đất bà H để trả tiền cho bà N, bà V chứ không thỏa thuận đứng ra trả nợ thay cho bà H, tuy nhiên sau đó bà Y đã không thực hiện việc tặng cho. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận của các bên về việc chuyển một phần nghĩa vụ trả nợ của bà Y trả thay cho bà H. Vì vậy, không có căn cứ để buộc bà Y phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên cho bà N.

[2.2] Đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 11 là vô hiệu: Xét thấy tại thời điểm chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (ngày 15/6/2018) thì đất đã được cấp Giấy chứng nhận; đất không có tranh chấp; quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án và trong thời hạn sử dụng đất là đủ điều kiện tặng cho theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, không có bản án, quyết định nào xác định nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình V, mặt khác nguyên đơn được lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhưng chấp nhận rút đơn khởi kiện để tự thỏa thuận phương án trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, không có căn cứ để xác định việc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình V tặng cho quyền sử dụng đất là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ theo khoản 2 Điều 124 Bộ

luật Dân sự 2015, nên không có căn cứ để tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên là vô hiệu.

Từ những lập luận trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị N mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3].Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N 187.000.000 đồng tiền nợ biêu và tiền lãi chậm góp biêu tính đến ngày xét xử, ngày 03/8/2023 là 96.045.000 đồng (đã làm tròn).

Ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị Y không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ trên.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập

ngày15/6/2018 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 31, diện tích 4.298,7m$^2$ tại Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giữa ông Trần Đình V, bà Nguyễn Thị H tặng cho bà Huỳnh Thị N là vô hiệu.

[2]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 18.200.000 đồng (đã nộp và đã chi phí xong).

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.152.000 đồng (đã làm tròn).

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0004866 ngày 30/7/2021. Trả lại cho bà Huỳnh Thị N 1.332.000 đồng theo Biên lai số 60AA/2021/0004865 ngày 30/7/2021 và 5.167.000 đồng theo Biên lai số 60AA/2021/0004809 ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0013487 ngày 17/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hằng**